

PHÂN TÍCH CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN HỌC NGHỀ CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG TẠI XÃ THỚI SƠN, HUYỆN TỈNH BIÊN, TỈNH AN GIANG

Nguyễn Công Toàn¹ và Bùi Lan Anh²

¹ Viện Nghiên cứu Phát triển Đồng bằng Sông Cửu Long, Trường Đại học Cần Thơ

² Sinh viên Phát triển Nông thôn khóa 37, Viện Nghiên cứu Phát triển Đồng bằng Sông Cửu Long

Thông tin chung:

Ngày nhận: 03/09/2014

Ngày chấp nhận: 31/10/2014

Title:

Analysis of the factors affecting the apprenticeship of the laborers in Thoi Son village, Tinh Bien District, An Giang Province

Từ khóa:

Người lao động, đào tạo nghề, học nghề, thu nhập, việc làm

Keywords:

Laborers, vocational training, apprenticeship, incomes, employment

ABSTRACT

Vocational training for the rural laborers is a right policy which has created the opportunities and the favorable conditions for the apprenticeship and the improvement of the incomes for the rural laborers. In fact, many laborers had not participated in the apprenticeship with the different reasons. The objective of this paper aimed to determine the factors affecting the apprenticeship of the laborers in Thoi Son village, Tinh Bien district, An Giang province. The direct interviews of 60 laborers and Binary Logistic regression analysis were conducted in the study. The study results showed that the most advantage of the vocational trained laborers added more incomes, and the low quality of the vocational training was the most difficulty of laborers who participated in the apprenticeship. The most important reason of the laborers had not participated in the classes of the vocational trainings because they had not understood the Project of the vocational training for the rural laborers (Project 1956). The factors including the educational levels, the incomes, the understanding of the Project 1956 and the perceptions of the apprenticeship affected the effects of the apprenticeship of the laborers, in which, the perception of the laborers had the strongest impact on the apprenticeship of laborers in Thoi Son village.

TÓM TẮT

Đào tạo nghề cho lao động nông thôn là một chủ trương đúng đắn, đã tạo ra cơ hội và điều kiện thuận lợi cho học nghề và cải thiện thu nhập của người lao động khu vực nông thôn. Thực tế, nhiều người lao động chưa tham gia học nghề với nhiều nguyên do khác nhau. Mục tiêu của nghiên cứu này nhằm xác định các yếu tố ảnh hưởng đến học nghề của người lao động tại xã Thới Sơn, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang. Phương pháp điều tra trực tiếp 60 người lao động và phân tích hồi quy Binary Logistic được thực hiện trong nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu cho thấy, thuận lợi nhất của người lao động học nghề là có thêm thu nhập; chất lượng dạy nghề thấp là khó khăn lớn nhất của người lao động tham gia học nghề. Lý do quan trọng nhất của người lao động chưa tham gia các lớp học nghề vì chưa am hiểu về Đề án Đào tạo tạo nghề cho lao động nông thôn (Đề án 1956). Các yếu tố như trình độ học vấn, thu nhập, sự am hiểu Đề án 1956 và nhận thức lợi ích từ học nghề có ảnh hưởng đến học nghề của người lao động. Trong đó, nhận thức của người lao động có tác động mạnh nhất đến học nghề của người lao động tại xã Thới Sơn.

1 GIỚI THIỆU

Đào tạo nghề và tạo việc làm luôn là những nội dung quan trọng, không thể thiếu trong quá trình phát triển Kinh tế - Xã hội của mỗi quốc gia để hướng tới phát triển bền vững (Linh, 2011). Nhận thức được vai trò quan trọng của công tác đào tạo nghề, Đảng và Nhà nước ta đã có nhiều chủ trương, chính sách động viên, khuyến khích việc học nghề cho người lao động nhất là lao động vùng nông thôn, miền núi như Quyết định 81/2005/QĐ-TTg ngày 18/4/2005 về hỗ trợ dạy nghề ngắn hạn cho người lao động; Quyết định 1956/2009/QĐ-TTg về việc phê duyệt đề án Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến 2020 (gọi tắt là Đề án 1956). Người lao động tham gia học nghề không những được miễn phí mà còn được hỗ trợ tiền ăn, ở, đi lại trong quá trình học. Sau khi học nghề, người lao động được giải quyết việc làm tại chỗ, có cơ hội tiếp cận nguồn vốn để phát triển nghề đã được học. Không ít người lao động khi học xong khóa học nghề ở nông thôn đã thoát nghèo, có công ăn việc làm, nâng cao thu nhập vượt lên ổn định cuộc sống. Nhưng tại sao hiện nay, phần lớn người lao động đều chưa tích cực tham gia học nghề.

Đào tạo nghề cho người lao động cũng luôn được các Sở ban ngành chức năng vùng Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) quan tâm. Trong triển khai công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn có nhiều thuận lợi, nhưng vẫn còn không ít khó khăn cũng như hạn chế cần khắc phục và cải tiến tốt hơn. Xã Thới Sơn là xã có kinh tế khó khăn thuộc huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang nơi tập trung nhiều dân cư sinh sống, tuy nhiên trình độ và tay nghề của người lao động nơi đây là một thách thức không nhỏ. Mặc dù, những năm qua chính quyền xã đã có nhiều cố gắng triển khai thực hiện đề án đào tạo nghề cho người lao động nhưng tỷ lệ người lao động được đào tạo nghề còn thấp đến năm 2013 chỉ đạt 26,8% (UBND xã Thới Sơn, 2013). Chính vì vậy, nghiên cứu “Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến học nghề của người lao động tại xã Thới Sơn, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang được thực hiện là rất cần thiết, nhằm đánh giá thực trạng việc học nghề của người lao động tại địa phương trong thời gian qua và xác định được các yếu tố ảnh hưởng chủ yếu đến học nghề của người lao động, từ đó đề xuất những giải pháp nhằm thúc đẩy việc học nghề, góp phần nâng cao thu nhập cho người lao

động tại xã Thới Sơn. Kết quả nghiên cứu là căn cứ khoa học cho chính quyền địa phương trong việc hoạch định chính sách có liên quan đến đào tạo nghề cho người lao động tại xã Thới Sơn, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang.

2 PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1 Cơ sở lý thuyết và mô hình nghiên cứu

Theo Hồ và Duy (2013) cho rằng, năng suất là điều kiện để thay đổi thu nhập. Để có năng suất cao, người lao động cần phải có kỹ năng tay nghề đối với một nghề nhất định. Học nghề là cơ hội tốt để giúp người lao động nâng cao kỹ năng tay nghề và có một nghề nghiệp ổn định, tăng thu nhập (Thành, 2014). Bên cạnh đó, nhóm tác giả Nghi và *ctv* (2011) đã xác định sự đa dạng nguồn thu nhập (trong đó có nguồn thu nhập từ các ngành nghề nông thôn) có ảnh hưởng lớn đến tổng thu nhập của hộ. Trên cơ sở kế thừa các nghiên cứu liên quan (Bảng 1) tác giả tiến hành khảo sát thực địa và đề xuất mô hình xác định các yếu tố ảnh hưởng đến học nghề của người lao động như sau:

Mô hình tổng quát có dạng:

$$\ln \left[\frac{P(Y=1)}{P(Y=0)} \right] = \beta_0 + \beta_1 X_1 + \beta_2 X_2 + \beta_3 X_3 + \beta_4 D_4 + \beta_5 X_5 + \beta_6 X_6 + \beta_7 D_7 + \beta_8 D_8 + \beta_9 D_9 + \beta_{10} D_{10}$$

Trong đó:

Y là biến phụ thuộc, thể hiện học nghề của người lao động, là một biến nhị phân, nhận giá trị 1 nếu lao động học nghề và nhận giá trị 0 nếu người lao động không học nghề.

Các biến: X_1, X_2, X_3, X_5, X_6 là các biến độc lập (biến giải thích) trong mô hình

Các biến: $D_4, D_7, D_8, D_9, D_{10}$ là biến giả của mô hình (Dummy). Các biến giả này nhận giá trị tương ứng 0 và 1, nếu nhận giá trị 0 khi sự kiện đó không xảy ra và ngược lại, nhận giá trị 1 khi sự kiện đó xảy ra.

Các giá trị từ β_1 đến β_{10} là các hệ số ước lượng. β_0 : hằng số chung.

Bảng 1: Diễn giải các biến độc lập trong mô hình hồi qui Binary Logistic

| Tên biến | Nguồn tham khảo | Diễn giải | Kỳ vọng |
|--|--|---|---------|
| Tuổi (X_1) | Dương Ngọc Thành (2010) | Tuổi của người lao động tính đến thời điểm nghiên cứu (năm) | - |
| Trình độ học vấn (X_2) | Châu Mỹ Duyên (2013) | Trình độ học vấn của người lao động tính đến thời điểm nghiên cứu (số lớp) | + |
| Thu nhập của người lao động (X_3) | Võ Thị Bạch Huệ (2010) | Tổng thu nhập từ các nguồn khác nhau của người lao động (triệu đồng/tháng) | - |
| Tư vấn/hướng nghiệp về học nghề (D_4) | Tham vấn ý kiến cán bộ (2014) | Biến giả. Nhận giá trị 1 nếu người lao động có sự tư vấn/hướng nghiệp (của gia đình, trường) về học nghề và giá trị 0 nếu ngược lại | + |
| Diện tích sản xuất lúa của hộ (X_5) | Ngô Văn Hoàng (2011) | Tổng diện tích sản xuất lúa hộ của người lao động (ha/hộ) | - |
| Số nhân khẩu/hộ (X_6) | Dương Ngọc Thành (2010) | Số nhân khẩu trong hộ nhận giá trị tương ứng với số người trong hộ (người/hộ) | - |
| Tuyên truyền vận động của địa phương (D_7) | Kết quả điều tra người lao động (2014) | Biến giả. Nhận giá trị 1 nếu địa phương có tuyên truyền vận động về học nghề với người lao động và giá trị 0 nếu ngược lại | + |
| Am hiểu về Đề án 1956 của người lao động (D_8) | Kết quả điều tra người lao động (2014) | Biến giả. Nhận giá trị 1 nếu người lao động có am hiểu về Đề án 1956 và giá trị 0 nếu ngược lại | + |
| Nhận thức của người lao động về lợi ích của học nghề (D_9) | Kết quả điều tra người lao động (2014) | Biến giả. Nhận giá trị 1 nếu người lao động có nhận thức đúng về lợi ích của việc học nghề và giá trị 0 nếu ngược lại | + |
| Kinh tế hộ (D_{10}) | Kết quả điều tra người lao động (2014) | Biến giả. Nhận giá trị 1 nếu hộ của người lao động có kinh tế thuộc loại khá/giàu và giá trị 0 nếu kinh tế hộ thuộc loại trung bình | + |

2.2 Phương pháp thu thập và phân tích số liệu

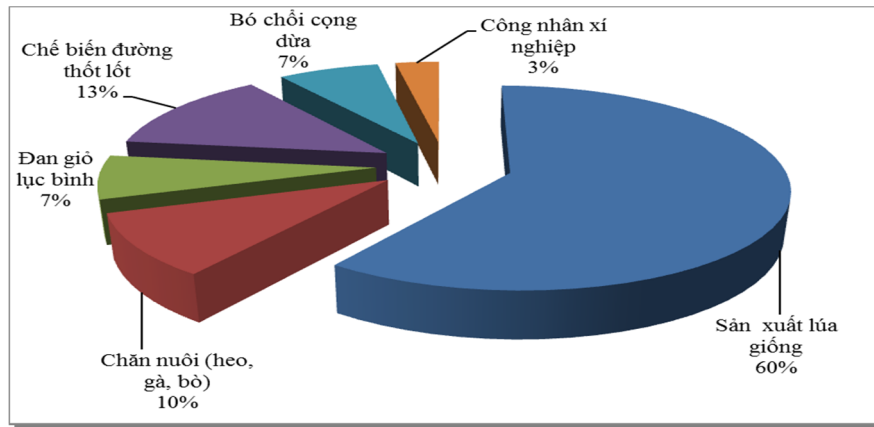
Số liệu sử dụng trong nghiên cứu được thu thập chủ yếu từ điều tra trực tiếp 60 người lao động trong xã Thới Sơn, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang thông qua phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên dựa trên danh sách số người lao động học nghề và không học nghề của xã. Trong 60 người lao động được khảo sát, có 30 người lao động tham gia học nghề nông thôn theo Đề án 1956 của Chính phủ và 30 người lao động không tham gia học nghề. Phần mềm SPSS 16.0 đã được sử dụng để phân tích xử lý số liệu và ước lượng mô hình hồi qui Binary Logistic.

3 KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1 Thực trạng học nghề của người lao động của Xã Thới Sơn

3.1.1 Ngành nghề đã được đào tạo

Những nghề thuộc nông nghiệp đã được đào tạo nhiều nhất tại xã trong thời gian qua bao gồm: Sản xuất lúa giống, một số loại rau màu, kỹ thuật chăn nuôi bò, heo, dạy trồng nấm. Nghề thuộc phi nông nghiệp gồm có: chế biến đường thốt nốt, đan lục bình, dệt thổ cẩm, bó chổi cọng dừa, đan giỏ bằng dây nylon, lắp ráp và sửa chữa xe gắn máy.



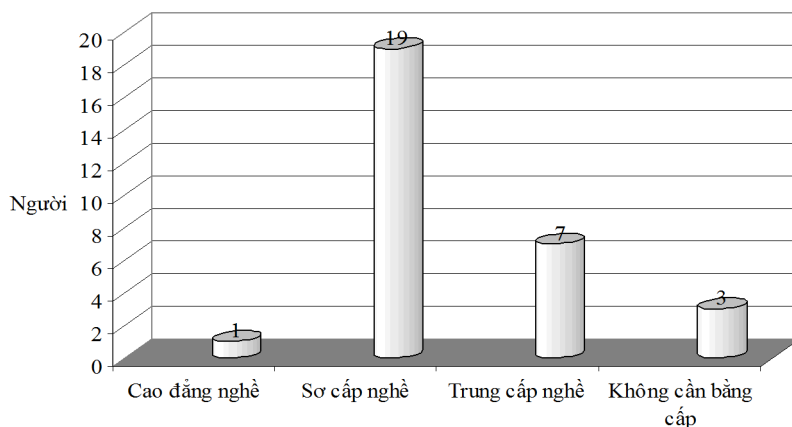
Hình 1: Phân bố nghề được học của người lao động tại xã Thới Sơn

Nguồn: Số liệu điều tra, 2014

Kết quả điều tra cho thấy, người lao động đã học 6 nghề nông thôn tại xã. Tỷ lệ học nghề sản xuất lúa giống vẫn chiếm ưu thế (tỷ lệ 60%) so với các nghề khác. Kết quả này cho thấy người dân thường học những nghề có khả năng ứng dụng cao, phù hợp thực tế, điều kiện sẵn có của gia đình như đất đai, nghề truyền thống. Kế đến, là nghề chế biến đường thốt nốt (chiếm 13%), điều này được lý giải thực tế thốt nốt là một trong những đặc sản ở An Giang, trái thốt nốt cũng đã gắn liền với người dân nơi này nên nghề chế biến đường thốt nốt là một trong những nghề đang được nhiều người lao động quan tâm. Đối với một số nghề khác như: chăn nuôi heo/gà/bò; nghề đan giỏ lục bình; bó

chổi cọng dừa; công nhân xí nghiệp, có số lao động tham gia học nghề rất ít chiếm từ 3 – 10% do không có nhu cầu đào tạo và thị trường đầu ra khó khăn như nghề đan giỏ lục bình và bó chổi cọng dừa (Hình1).

Kết quả khảo sát cho thấy, người lao động học nghề ở trình độ đào tạo chủ yếu sơ cấp nghề có 19 người chiếm tỷ lệ khá cao 63,3%, kế đến là trung cấp nghề với tỷ lệ 23,3% và đối với cao đẳng nghề lại rất hạn chế, chỉ chiếm 3,3%; có 3 người lao động học nghề lớn tuổi với mong muốn học để biết và làm việc trong lúc nông nhàn, không cần bằng cấp gì (Hình 2).



Hình 2: Trình độ đào tạo nghề cho người lao động tại xã Thới Sơn

Nguồn: Số liệu điều tra, 2014

Nhìn chung, trình độ tay nghề của người lao động được đào tạo vẫn còn thấp, trong thời gian tới chính quyền địa phương cần đẩy mạnh hơn nữa

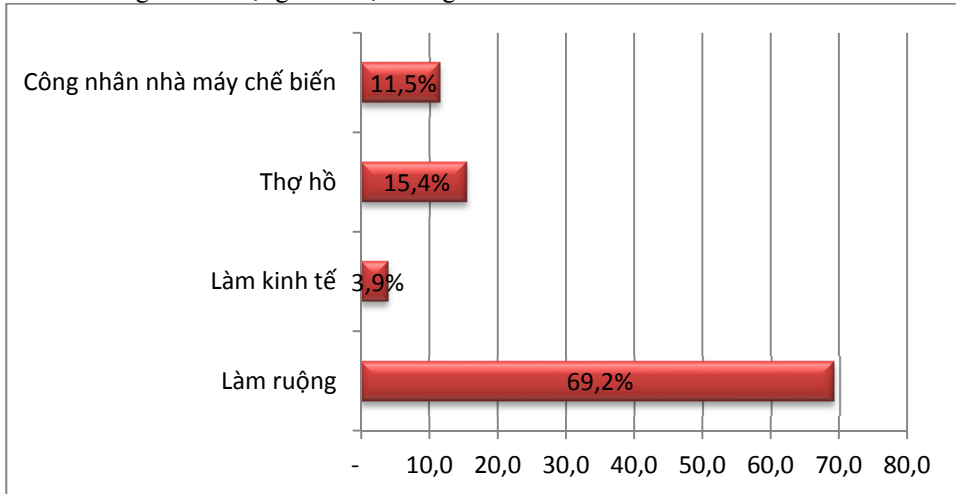
công tác đào tạo nghề để nâng cao trình độ chuyên môn và tay nghề cho người lao động ở những cấp đào tạo cao hơn như trung cấp nghề hay cao đẳng

nghề để giúp người lao động đáp ứng tốt hơn với nhu cầu đòi hỏi của thị trường lao động.

3.1.2 Việc làm của người lao động sau khi học nghề

Theo kết quả khảo sát 30 người lao động tham gia học nghề, có 26 người lao động đã tìm được việc làm, còn 4 lao động vẫn đang trong thời gian theo học. Trong 26 người lao động đã tìm được việc làm có đến 18 người lao động làm việc trong

lĩnh vực nông nghiệp (làm ruộng) chiếm tỷ lệ cao nhất 69,2%, kế đến là có 4 người làm việc trong lĩnh vực xây dựng (thợ hồ) chiếm 15,4%, với tỷ lệ thấp hơn 11,5% là số lao động làm việc trong lĩnh vực công nghiệp (công nhân nhà máy chế biến), trong khi đó chỉ có 1 người lao động làm việc trong lĩnh vực kinh tế chiếm tỷ lệ rất thấp chỉ 3,9% (Hình 3).



Hình 3: Cơ cấu việc làm của người lao động sau khi học nghề

Nguồn: Số liệu điều tra, 2014

Đời sống của người lao động tại xã nghiên cứu vẫn dựa vào nông nghiệp là chính (chủ yếu là sản xuất lúa). Tuy nhiên, trong thời gian gần đây có sự chuyển dịch đáng kể lao động từ nông nghiệp sang công nghiệp, thương mại, dịch vụ nhưng phần lớn chỉ là dịch chuyển mang tính tự phát. Vì thế, địa phương cần có những chính sách hợp lý có thể giải quyết vấn đề đào tạo nghề và việc làm cho người lao động trong thời gian tới.

3.1.3 Thu nhập của người lao động

Qua kết quả khảo sát, thu nhập của người lao động học nghề và không học nghề khác nhau chủ yếu từ nghề nông thôn. Người lao động có đa dạng nguồn thu nhập như: thu nhập từ sản xuất lúa, nghề đã học (đối với người lao động có học nghề), buôn bán/dịch vụ, tiền làm thuê tự do, tiền trợ cấp.

Kết quả nghiên cứu cho thấy, hoạt động tạo ra thu nhập/tháng ở người lao động học nghề lớn hơn so với người lao động không học nghề. Cụ thể như sau: tổng thu nhập trung bình của người lao động

có tham gia học nghề là 3.697.310 đồng/người/tháng, nguồn thu chủ yếu từ sản xuất lúa được 1,4 triệu đồng (chiếm 38,5%), kế tiếp 1,2 triệu đồng thu nhập từ tiền trợ cấp, làm thuê tự do, tiền con cái gửi về (chiếm 33%). Bên cạnh đó, người lao động học nghề còn có thêm thu nhập từ nghề nông thôn đã được học, chiếm 28% trong tổng thu nhập và thu từ hoạt động buôn bán/dịch vụ rất ít (chiếm 0,5%) (Bảng 2).

Đối với số lao động không tham gia học nghề có tổng thu nhập trung bình/tháng 2.687.230 đồng/người thấp hơn so với người lao động có học nghề vì người lao động không có khoảng thu từ nghề nông thôn được học, thu nhập chủ yếu từ sản xuất lúa được 1,4 triệu đồng (chiếm 53,3%), thu nhập 1,2 triệu đồng từ tiền trợ cấp, làm thuê tự do, tiền con cái gửi về (chiếm 46%). Đặc biệt nhu cầu sử dụng dịch vụ ở nông thôn còn nhiều hạn chế, chủ yếu buôn bán nhỏ nên thu nhập của người lao động thấp và không ổn định (chỉ chiếm 0,7% trong tổng nguồn thu nhập) (Bảng 2).

Bảng 2: Bảng thu nhập của người lao động trong tháng

Đơn vị: 1000 đồng

| Nguồn thu nhập | Lao động học nghề | | Lao động không học nghề | |
|------------------------------------|-------------------|--------------|-------------------------|--------------|
| | Trung bình | (%) | Trung bình | (%) |
| Nghề nông thôn | 1.036 | 28,0 | 0,0 | 0,0 |
| Sản xuất lúa | 1.426 | 38,5 | 1.433 | 53,3 |
| Buôn bán/dịch vụ | 18,31 | 0,5 | 18,23 | 0,7 |
| Hoạt động khác (làm thuê, trợ cấp) | 1.217 | 33,0 | 1.236 | 46,0 |
| Tổng | 3.697,31 | 100,0 | 2.687,23 | 100,0 |

Nguồn: Số liệu điều tra, 2014

Nguồn thu nhập trung bình hàng tháng của người lao động vẫn còn thấp. Tuy nhiên, người lao động tham gia học nghề có khoảng thu cao hơn so với số lao động không học nghề, đây là cơ hội góp phần nâng cao thu nhập cho người lao động, song không phải lao động nào cũng đều nhận thức được điều này.

3.1.4 Thuận lợi và khó khăn của người lao động học nghề

Qua số liệu thứ cấp của xã Thới Sơn cho thấy có tổng cộng 4.836 người trong độ tuổi lao động, nhưng chỉ có 1.295 người đã qua lớp đào tạo nghề chiếm 26,8%.

Thuận lợi của người lao động học nghề

Tổng cộng có 112 ý kiến trả lời về thuận lợi của người lao động khi học nghề, trong đó, có thêm thu nhập từ nghề được học và được vay vốn khi học nghề là thuận lợi nhất cho người học nghề với tỷ lệ 53,6% (60/112 ý kiến đồng ý). Kế đến, có chính sách đào tạo nghề cho người học (học miễn phí, hỗ trợ tiền ăn, ở, đi lại, trang thiết bị thực hành), là điều kiện thuận lợi cho những học viên xa nhà, gia đình khó khăn, chiếm 21,4% (24/112 ý kiến đồng ý). Ngoài ra, học nghề để bổ sung kiến thức và có nhiều lựa chọn hơn trong nghề nhưng không chiếm số đông học viên trả lời (Bảng 3).

Bảng 3: Thuận lợi của người lao động học nghề

| Thuận lợi | Số ý kiến trả lời | (%) |
|----------------------------------|-------------------|--------------|
| Thêm thu nhập từ nghề học | 30 | 26,8 |
| Được vay vốn | 30 | 26,8 |
| Có chính sách đào tạo nghề | 24 | 21,4 |
| Bổ sung kiến thức | 17 | 15,2 |
| Có nhiều lựa chọn hơn trong nghề | 11 | 9,8 |
| Tổng | 112 | 100,0 |

Nguồn: Số liệu điều tra, 2014

Kết quả tổng hợp từ điều tra 30 người lao động học nghề có tổng cộng 106 ý kiến trả lời đưa ra lợi ích của người học nghề. Lợi ích từ việc học nghề là dễ xin việc làm hơn chiếm 28,3% (30/106 ý kiến trả lời). Ý kiến khác cho là học nghề giúp người lao động nhanh nhẹn hơn trong công việc chiếm 21,7%. Bên cạnh đó, một số người lao động cho rằng, học nghề có thể chủ động hơn, không phụ thuộc, yếu tố này chiếm 19,8%. Ngoài ra, việc học nghề giúp người lao động có thể tự tạo việc làm từ nghề đã học chiếm 17,9% và hiểu biết xã hội hơn nhưng chiếm tỷ trọng thấp so với các lợi ích trên (12,3%) (Bảng 4).

Bảng 4: Lợi ích của người lao động khi học nghề

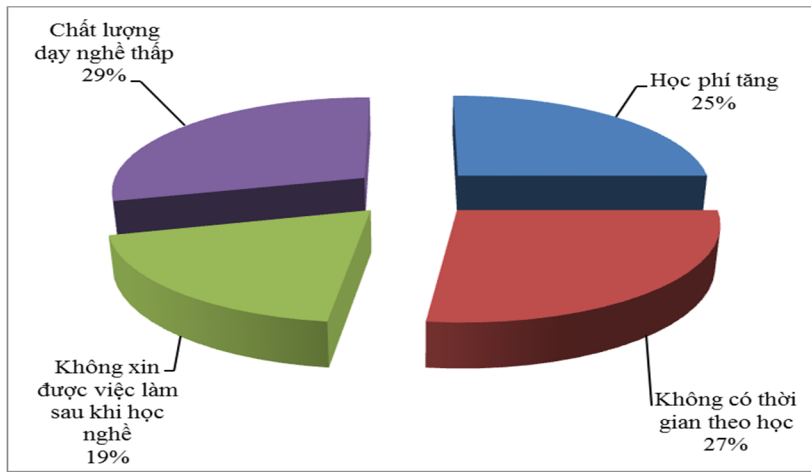
| Lợi ích của học nghề | Số ý kiến trả lời | (%) |
|---------------------------------------|-------------------|--------------|
| Dễ xin việc làm hơn | 30 | 28,3 |
| Nhanh nhẹn hơn trong công việc | 23 | 21,7 |
| Có thể tự tạo việc làm từ nghề đã học | 19 | 17,9 |
| Chủ động hơn, không phụ thuộc | 21 | 19,8 |
| Hiểu biết xã hội hơn | 13 | 12,3 |
| Tổng | 106 | 100,0 |

Nguồn: Số liệu điều tra, 2014

Tóm lại, với kết quả phân tích cho thấy, người lao động có tham gia học nghề để xin việc hơn so với người lao động không được học nghề. Tuy nhiên, phần lớn người lao động tại xã nghiên cứu đều chưa tích cực tham gia học nghề, thực trạng này có thể còn do yếu tố nội tại từ gia đình của người lao động làm ảnh hưởng lớn đến việc học nghề của họ.

Khó khăn của người lao động học nghề

Công tác đào tạo nghề cho người lao động đã được triển khai thực hiện trong thời gian qua tại địa phương. Khi tham gia học nghề, bên cạnh những thuận lợi còn có một số khó khăn mà người học nghề gặp phải



Hình 4: Khó khăn của người lao động học nghề

Nguồn: Số liệu điều tra, 2014

Yếu tố về chất lượng dạy nghề thấp là khó khăn gặp phải của người lao động khi tham gia học nghề nhận được nhiều ý kiến trả lời (30/102 ý kiến) chiếm 29%, ở đây muốn đề cập việc thiếu trang thiết bị dạy nghề nên ít cơ hội được thực hành, thiếu giáo viên có trình độ chuyên môn cao, đặc biệt chương trình, giáo trình dạy nghề chậm sửa đổi, bổ sung để phù hợp với nhu cầu thực tiễn. Khó khăn kế đến cũng chiếm tỷ trọng đáng kể là không có thời gian học (28/102 ý kiến) chiếm 27%, do người lao động thường tốn nhiều thời gian cho nông nghiệp (sản xuất lúa), nhất là vào vụ mùa nên không có thời gian tham gia đầy đủ các buổi học.

Ngoài những khó khăn trên, có 25% ý kiến cho rằng học phí tăng (đối với người lao động học nghề mà không được hỗ trợ chi phí này) dẫn đến thiếu tiền đi học, cuối cùng là khó khăn không xin được việc làm chiếm 19% số ý kiến, do trình độ đào tạo không cao (chủ yếu là sơ cấp) và khó khăn về thị trường đầu ra cho sản phẩm (Hình 4).

3.1.5 Nguyên nhân người lao động không học nghề

Theo kết quả khảo sát 30 người lao động không học nghề, đã nhận được 128 ý kiến với 8 nguyên nhân được đưa ra khiến người lao động không tham gia học nghề.

Người lao động không học nghề do chưa am hiểu về Đề án 1956 (chiếm 19,5% số ý kiến trả lời). Mặc dù, Quyết định số 1956/QĐ – TTg của Chính phủ về “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020” đã có hiệu lực gần 4 năm, nhưng nhiều người lao động tại xã Thới Sơn vẫn chưa biết đến. Trên địa bàn huyện, xã đã có tổ chức

tuyên truyền về Đề án cho người lao động, song không phải ai cũng nắm rõ vấn đề này.

Bảng 5: Nguyên nhân không học nghề của người lao động

| Nguyên nhân | Số ý kiến trả lời | (%) |
|-------------------------------|-------------------|--------------|
| Cảm thấy lớn tuổi | 10 | 7,8 |
| Khó xin việc | 13 | 10,2 |
| Không có trường gần nhà | 2 | 1,6 |
| Thiếu quan tâm của địa phương | 16 | 12,5 |
| Không có điều kiện | 20 | 15,6 |
| Gia đình – con cái | 19 | 14,8 |
| Không ai tư vấn/hướng nghiệp | 23 | 18,0 |
| Chưa am hiểu về Đề án 1956 | 25 | 19,5 |
| Tổng | 128 | 100,0 |

Nguồn: Số liệu điều tra, 2014

Số ý kiến khác về nguyên nhân không học nghề bao gồm, không ai tư vấn/hướng nghiệp cho người lao động đến vấn đề đi học nghề nông thôn chiếm 18% số ý kiến. Thực tế cho thấy, công tác tư vấn/hướng nghiệp từ gia đình, nhà trường ở vùng nông thôn nhất là vùng sâu, vùng xa, miền núi thường kém hơn so với thành thị nên người lao động không đi học nghề phần lớn cũng bị ảnh hưởng từ nguyên nhân này. Ngoài hai nguyên nhân phổ biến trên, còn có 15,6% số ý kiến trả lời là do gia đình không có điều kiện kinh tế để đi học nghề và 14,8% số ý kiến trả lời với nguyên nhân bận việc chăm lo gia đình, con cái. Các ý kiến khác như các nguyên nhân khó xin việc, không có trường gần nhà, cảm thấy lớn tuổi chiếm tỷ lệ không đáng kể (Bảng 5).

3.2 Các yếu tố ảnh hưởng đến học nghề của người lao động

Việc xác định các yếu tố ảnh hưởng đến học nghề của người lao động là căn cứ quan trọng để đề xuất giải pháp thúc đẩy việc học nghề góp phần nâng cao thu nhập, cải thiện cuộc sống cho người lao động tại xã nghiên cứu.

Kết quả kiểm định giả thuyết về độ phù hợp tổng quan có mức ý nghĩa quan sát Sig. = 0,000

nên bác bỏ giả thuyết H₀ là hệ số hồi quy của các biến độc lập bằng không. Giá trị của -2Log likelihood = 34,102 không cao, thể hiện mức độ phù hợp khá tốt của mô hình tổng thể. Xác suất dự báo đúng của mô hình là 86,7%. Do đó, mức độ phù hợp của mô hình là khá cao. Theo kết quả kiểm định Wald với mức ý nghĩa 5%, ta có 4 biến độc lập có ý nghĩa thống kê (X₂, X₃, D₈, D₉), ngoại trừ các biến X₁, D₄, X₅, X₆, D₇, D₁₀ (có Sig. > 0,05).

Bảng 6: Kết quả ước lượng mô hình hồi quy Binary Logistic

| Biến độc lập X _i | Hệ số (β) | Giá trị xác suất P | Giá trị mũ của hệ số Exp (β) |
|--|---------------|--------------------|------------------------------|
| X ₁ : Tuổi | 0,002 | 0,970 | 1,002 |
| X ₂ : Trình độ học vấn | 0,401 | 0,045 | 1,493 |
| X ₃ : Thu nhập của người lao động | 2,278 | 0,003 | 9,761 |
| D ₄ : Tư vấn/hướng nghiệp (gia đình, nhà trường) về học nghề | -0,206 | 0,916 | 0,814 |
| X ₅ : Diện tích sản xuất lúa của hộ | 0,131 | 0,815 | 1,140 |
| X ₆ : Số nhân khẩu/hộ | 0,404 | 0,208 | 1,498 |
| D ₇ : Tuyên truyền vận động của địa phương | -0,649 | 0,774 | 0,523 |
| D ₈ : Am hiểu về Đề án 1956 của người lao động | 2,691 | 0,031 | 14,744 |
| D ₉ : Nhận thức của người lao động về lợi ích của việc học nghề | 3,506 | 0,010 | 33,302 |
| D ₁₀ : Kinh tế hộ | -0,061 | 0,970 | 0,941 |
| Hằng số | -9,290 | 0,017 | 0,000 |
| Hệ số Sig. của mô hình | | 0,000 | |
| -2 Loglikelihood | | 34,102 | |
| Xác suất dự đoán đúng (%) | | 86,70 | |

Nguồn: Kết quả phân tích SPSS từ số liệu điều tra, 2014

Từ kết quả phân tích trong Bảng 6, phương trình xác định các yếu tố ảnh hưởng đến học nghề của người lao động như sau:

$$\ln \left[\frac{P(Y = 1)}{P(Y = 0)} \right] = -9,290 + 0,401X_2 + 2,278X_3 + 2,691D_8 + 3,506D_9$$

Dựa vào kết quả phân tích cho thấy, trong 4 biến có ý nghĩa thống kê (Sig. < 5%) đều ảnh hưởng cùng chiều với biến phụ thuộc Y (học nghề hay không học nghề của người lao động). Cụ thể với các biến là: Biến X₂ (trình độ học vấn), X₃ (thu nhập của người lao động), D₈ (am hiểu về Đề án 1956 của người lao động), D₉ (nhận thức của người lao động về lợi ích của việc học nghề) có tương quan thuận với biến phụ thuộc Y. Hay nói cách khác, khi người lao động có trình độ học vấn cao hơn, có điều kiện về thu nhập hơn, am hiểu hơn về Đề án 1956 và có nhận thức đúng về lợi ích

của học nghề thì khả năng tham gia học nghề của lao động sẽ tăng.

Trong 4 biến có ảnh hưởng đến việc học nghề của lao động, biến nhận thức của người lao động về lợi ích của việc học nghề có tác động mạnh nhất đến việc học nghề của người lao động so với 3 biến còn lại. Do D₉ là biến giả nên xác suất biến phụ thuộc Y nhận giá trị 1 (học nghề) là rất lớn nếu D₉ bằng 1. Hay nói cách khác, khả năng đi học nghề của người lao động khi có nhận thức về lợi ích của việc học nghề cao. Điều này được thể hiện ở hệ số β của D₉ = 3,506 cao nhất trong mô hình, chứng tỏ biến nhận thức của lao động có ảnh hưởng rất quan trọng đến quyết định học nghề của họ. Khi người lao động có nhận thức về lợi ích của việc học nghề, ta kỳ vọng một giá trị 3,506 trong log-odds của khả năng người lao động quyết định đi học nghề (các biến độc lập khác không đổi). Nói cách khác, người lao động có nhận thức thì khả năng đi học nghề của lao động sẽ tăng 33,302 lần.

Điều này phù hợp với kỳ vọng ban đầu. Tức là, khi người lao động có nhận thức rằng việc học nghề sẽ tạo điều kiện cho họ được bổ sung kiến thức để mạnh dạn hơn, chủ động hơn trong vấn đề việc làm, tránh tình trạng thất nghiệp, góp phần nâng cao thu nhập vượt lên ổn định cuộc sống thì khả năng người lao động quyết định đi học nghề sẽ tăng.

Ngoài ra, sự am hiểu về Đề án 1956 của người lao động (D_8) có ảnh hưởng rất lớn đến quyết định học nghề của họ. Điều này được giải thích ở hệ số β của $D_8 = 2,691$ cao thứ 2 (sau biến nhận thức của người lao động về lợi ích của việc học nghề). Do D_8 là biến giả nên xác suất biến phụ thuộc Y nhận giá trị 1 (học nghề) là rất lớn nếu D_8 bằng 1. Hay nói cách khác, khả năng đi học nghề của người lao động khi am hiểu về Đề án 1956 là rất cao. Theo kết quả điều tra khi được hỏi về vấn đề này, đa số lao động đều không am hiểu về Đề án 1956. Vì thế, việc am hiểu cũng như nắm rõ về thông tin Đề án có ảnh hưởng quan trọng trong việc giúp cho người lao động tham gia học nghề nhiều hơn. Trường hợp các biến độc lập khác không đổi, khi người lao động có am hiểu về Đề án 1956 kỳ vọng một giá trị 2,691 trong log-odds của khả năng người lao động quyết định đi học nghề, có nghĩa xác suất đi học nghề của người lao động sẽ tăng 14,744 lần. Điều này phù hợp với kỳ vọng ban đầu. Tức là, khi người lao động am hiểu rằng, theo Đề án 1956 trong quá trình học nghề họ được hỗ trợ tiền ăn, ở, đi lại hay được học nghề miễn phí đối với những đối tượng thuộc chính sách của Nhà nước. Hơn nữa, sau học nghề người lao động còn có việc làm tại chỗ, có cơ hội tiếp cận nguồn vốn để phát triển nghề học, khi đó sẽ làm tăng khả năng người lao động quyết định tham gia học nghề.

Ở mức ý nghĩa 5%, hai biến định lượng trình độ học vấn (X_2) và thu nhập của người lao động (X_3) cũng có mối tương quan thuận với biến phụ thuộc Y . Giá trị của 2 biến này càng tăng thì trị số của biến phụ thuộc càng gần 1. Điều này được giải thích, khi người lao động có thu nhập càng cao sẽ tăng khả năng học nghề của lao động vì người lao động không bị ràng buộc về điều kiện kinh tế. Trong điều kiện các biến khác không đổi, khi người lao động có thu nhập cao, khi tăng một giá trị 2,278 trong log-odds của khả năng quyết định đi học nghề của lao động, có nghĩa xác suất đi học nghề tăng 9,761 lần. Điều này trái với kỳ vọng ban đầu nhưng hoàn toàn hợp lý trên thực tế. Với lý do, công tác đào tạo nghề cho người lao động theo Đề án 1956 chủ yếu đào tạo cho người lao động trong

độ tuổi, trong đó ưu tiên dạy nghề cho người thuộc diện được hưởng chính sách ưu đãi, người có công, hộ nghèo, người dân tộc thiểu số, tuy nhiên tỷ lệ tham gia học nghề thuộc những đối tượng trên lại rất thấp. Trái lại, người lao động thuộc hộ khá/giàu thì tỷ lệ học nghề lại cao hơn do họ có điều kiện về thu nhập nên không ảnh hưởng đến việc học nghề, thời gian nhàn rỗi của họ cũng nhiều hơn so với người lao động có hoàn cảnh khó khăn nên họ đi học nghề để kiếm thêm thu nhập.

Kết quả phân tích còn cho thấy, trình độ học vấn của người lao động (X_2) cũng có ảnh hưởng đến việc học nghề của lao động theo chiều thuận (với hệ số ảnh hưởng là 0,401, ở mức ý nghĩa 5%), chứng tỏ biến trình độ học vấn của người lao động có tác động đến quyết định học nghề của họ. Khi giá trị của biến này càng tăng thì trị số của biến phụ thuộc Y càng gần 1. Với lý do trình độ học vấn của người lao động ảnh hưởng nhiều đến khả năng nhận thức và vận dụng chúng vào quá trình học nghề, tăng thu nhập cho gia đình, điều này phù hợp với kỳ vọng ban đầu. Khi trình độ học vấn của lao động tăng 1 lớp, ta kỳ vọng một giá trị 0,401 trong log-odds của khả năng người lao động quyết định đi học nghề. Nói cách khác, xác suất đi học nghề của lao động sẽ tăng 1,493 lần.

4 KẾT LUẬN

Qua phân tích thực trạng học nghề của người lao động xã Thới Sơn cho thấy, tuy xã có nguồn lao động dồi dào nhưng trình độ học vấn, tay nghề và nhận thức còn rất nhiều hạn chế. Bên cạnh thuận lợi có thêm thu nhập từ nghề nông thôn được học và được vay vốn khi học nghề, người học vẫn còn khó khăn do chất lượng dạy nghề thấp. Các yếu tố ảnh hưởng đến việc học nghề ở người lao động là trình độ học vấn, thu nhập của người lao động, am hiểu về Đề án 1956 và nhận thức của người lao động về lợi ích của việc học nghề.

5 ĐỀ XUẤT

Thông qua kết quả nghiên cứu này, ba giải pháp chủ yếu nhằm thúc đẩy việc học nghề góp phần cải thiện thu nhập, nâng cao đời sống cho người lao động tại điểm nghiên cứu được đề xuất như sau:

5.1 Nâng cao nhận thức cho người lao động

Nâng cao nhận thức cho người lao động thông qua các hình thức như: tổ chức các hội thảo, các buổi đối thoại giữa người lao động và lãnh đạo địa phương, qua các ngày hội việc làm để nâng cao nhận thức giúp người lao động thấy được lợi ích của việc học nghề.

5.2 Phát triển nguồn nhân lực

Phải nâng cao trình độ học vấn cho người lao động, việc này được thực hiện thông qua mở rộng mạng lưới đào tạo các trường từ mầm non đến trung học phổ thông trên địa bàn xã, đào tạo đội ngũ giáo viên đảm bảo cả chất lượng và số lượng; Thành lập quỹ khuyến học địa phương nhằm hỗ trợ cho con em có hoàn cảnh khó khăn được đến trường; Huy động tất cả người lao động ở các độ tuổi khác nhau tham gia phổ cập giáo dục nâng cao dân trí.

5.3 Tiếp cận thông tin chính sách về Đề án 1956

Để giúp người lao động nắm được các chính sách trong Đề án 1956, cần thực hiện: (1) Người lao động tham gia các tổ chức đoàn thể của địa phương để nắm được thông tin Đề án 1956 cũng như các chính sách cần thiết khác của Nhà nước; (2) Người lao động cần tích cực tham gia học tập, thường xuyên cập nhật nắm bắt thông tin về học nghề từ chính quyền địa phương, bạn bè và các phương tiện truyền thông đại chúng; (3) Chính quyền địa phương cần tuyên truyền rộng rãi về thông tin Đề án 1956 và các chính sách khác đến người lao động qua các hình thức như: tờ rơi, bản tin, hội thảo.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Châu Mỹ Duyên, 2013. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến việc làm của lao động nữ nông thôn huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long. Luận văn tốt nghiệp Đại học. Đại học Cần Thơ. Cần Thơ.
2. Dương Ngọc Thành, 2010. Đánh giá nhu cầu lao động và đào tạo nghề nông thôn tại các quận huyện Thành phố Cần Thơ. Kỹ yếu nghiên cứu khoa học Viện Nghiên cứu Phát triển Đồng bằng sông Cửu Long. Đại học Cần Thơ. Cần Thơ.
3. Dương Ngọc Thành, 2014. Thực trạng lao động nông thôn và ảnh hưởng đến đào tạo nghề nông thôn đến việc làm và thu nhập của người dân vùng ĐBSCL. Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ. Bộ Giáo dục và Đào tạo.
4. Đinh Phi Hồ và Nguyễn Khánh Duy, 2013. Tác động của sự thay đổi cơ cấu kinh tế đối với tăng trưởng kinh tế: Mô hình dự báo và gợi ý chính sách (Nghiên cứu trường hợp của tỉnh Bến Tre) Tạp chí Phát triển Kinh tế (218): 20-36.
5. Ngô Văn Hoàng, 2011. Nghiên cứu nhu cầu học nghề của lao động nông thôn huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên. Luận văn tốt nghiệp Đại học. Đại học Nông nghiệp Hà Nội. Hà Nội.
6. Nguyễn Quốc Nghi, Trần Quế Anh và Bùi Văn Trinh, 2011. Các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của hộ gia đình ở khu vực nông thôn huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long. Tạp chí khoa học. Số 5: 23.
7. Phạm Thị Thúy Linh, 2011. Các giải pháp đào tạo nghề và tạo việc làm cho thanh niên Thành phố Đà Nẵng. Luận án Thạc sĩ Kinh tế Đại học Đà Nẵng. Đà Nẵng.
8. Quyết định số 81/2005/QĐ-TTg ngày 18/4/2005 của Thủ tướng Chính phủ về “Chính sách hỗ trợ dạy nghề ngắn hạn cho lao động nông thôn”.
9. Quyết định 1956/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 27/11/2009 về việc phê duyệt Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến 2020”.
10. Ủy Ban Nhân Dân xã Thới Sơn, 2013. Báo cáo thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2013 và nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm 2014.
11. Võ Thị Bạch Huệ, 2010. Đánh giá thực trạng và giải pháp đào tạo nghề cho lao động nông thôn vùng ngoại thành Thành phố Cần Thơ. Trường hợp nghiên cứu tại quận Thốt Nốt. Luận văn tốt nghiệp Đại học. Đại học Cần Thơ. Cần Thơ